

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Annual Report

2012



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN NÔNG THÔN TRÀ VINH

Tháng 03/2013

MỤC LỤC

- 01 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị**
- 02 Thông tin chung**
 - Thông tin khái quát
 - Quá trình hình thành và phát triển
 - Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
 - Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý
 - Định hướng phát triển
 - Các rủi ro
- 03 Tình hình hoạt động trong năm**
 - Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
 - Tổ chức và nhân sự
 - Tình hình tài chính
 - Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 04 Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**
- 05 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**
- 06 Quản trị Công ty**
 - Hội đồng quản trị
 - Ban Kiểm soát
 - Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát
- 07 Báo cáo tài chính**
 - Ý kiến kiểm toán
 - Báo cáo tài chính được kiểm toán

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị Cổ đông,

Năm 2012 đã qua đi với nhiều khó khăn và thách thức cho cả nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh nói riêng. Tuy nhiên, được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Trà Vinh, sự hỗ trợ của các Sở, Ban ngành, các cấp chính quyền địa phương, sự quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC), cộng với bề dày kinh nghiệm và sự tận tâm của Hội đồng Quản trị, Ban Giám Đốc và sự đồng lòng nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh đã đạt được những kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2012.



Doanh thu năm 2012 đạt **167,9 tỷ đồng**, vượt 11,91% so với kế hoạch đề ra và tăng 21,22% so với năm 2011. Lợi nhuận trước thuế năm 2012 đạt **14,6 tỷ đồng**, vượt 4,40% so với kế hoạch đề ra và tăng 5,78% so với năm 2011. Kết quả này có được từ định hướng đúng đắn của Ban Lãnh đạo Công ty với chiến lược phát triển kinh doanh ổn định, lâu dài theo chiều sâu, tập trung mở rộng khách hàng đồng thời cải tạo lưới điện và quản lý tốt điện năng, tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng vì quyền lợi của khách hàng và mục tiêu phục vụ an sinh xã hội, nhất là thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước.

Bước sang năm 2013, nền kinh tế vẫn còn nhiều diễn biến bất ổn và khó lường, tuy nhiên với những kết quả và kinh nghiệm đã đạt được trong những năm qua, cùng với sự nỗ lực và quyết tâm cao của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, cán bộ nhân viên Công ty, Hội đồng quản trị tin tưởng rằng Công ty sẽ tiếp tục gặt hái được thành công trong những năm tiếp theo, xứng đáng với niềm tin và sự lựa chọn của Quý vị Cổ đông.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty, tôi trân trọng cảm ơn các Quý vị Cổ đông, các đối tác, khách hàng, các Ban ngành, cơ quan hữu quan và tập thể cán bộ nhân viên đã tin tưởng, đồng hành cùng Công ty và rất mong nhận được sự đóng góp tích cực của Quý vị trong giai đoạn phát triển tiếp theo của Công ty.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

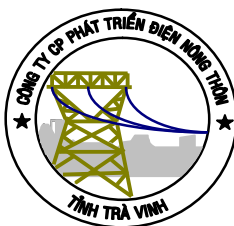
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trương Văn Định

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh
Giấy CNĐKKD: Số 5803000028 do Sở KH&ĐT Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 13/07/2006
Vốn điều lệ: 52.800.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (31/12/2012): 75.288.358.196 đồng
Địa chỉ: Khóm 1, Phường 9, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
Số điện thoại: (84-74) 3680076
Số fax: (84-74) 3850017
Website: www.diennongthontv.com.vn
Mã cổ phiếu: DTV
Logo:



2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh tiền thân là Ban Quản lý Điện Nông thôn Trà Vinh được UBND tỉnh Trà Vinh quyết định thành lập từ 04/1996. Sau 16 năm hoạt động, từ quy mô vốn gần 500 triệu đồng, đến nay Công ty đã ổn định hoạt động với vốn điều lệ là 52,8 tỷ đồng, tổng tài sản gần 78 tỷ đồng.

Các mốc sự kiện



3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

Đầu tư xây dựng và phát triển các công trình điện;

Kinh doanh mua bán điện, vật tư chuyên ngành điện;

Thiết kế các công trình đường dây hạ thế, dây nhánh khách hàng và điện dân dụng;

Thi công các công trình đường dây điện trung thế, lắp trạm biến thế, đường dây điện hạ thế và dây nhánh khách hàng.

Địa bàn kinh doanh

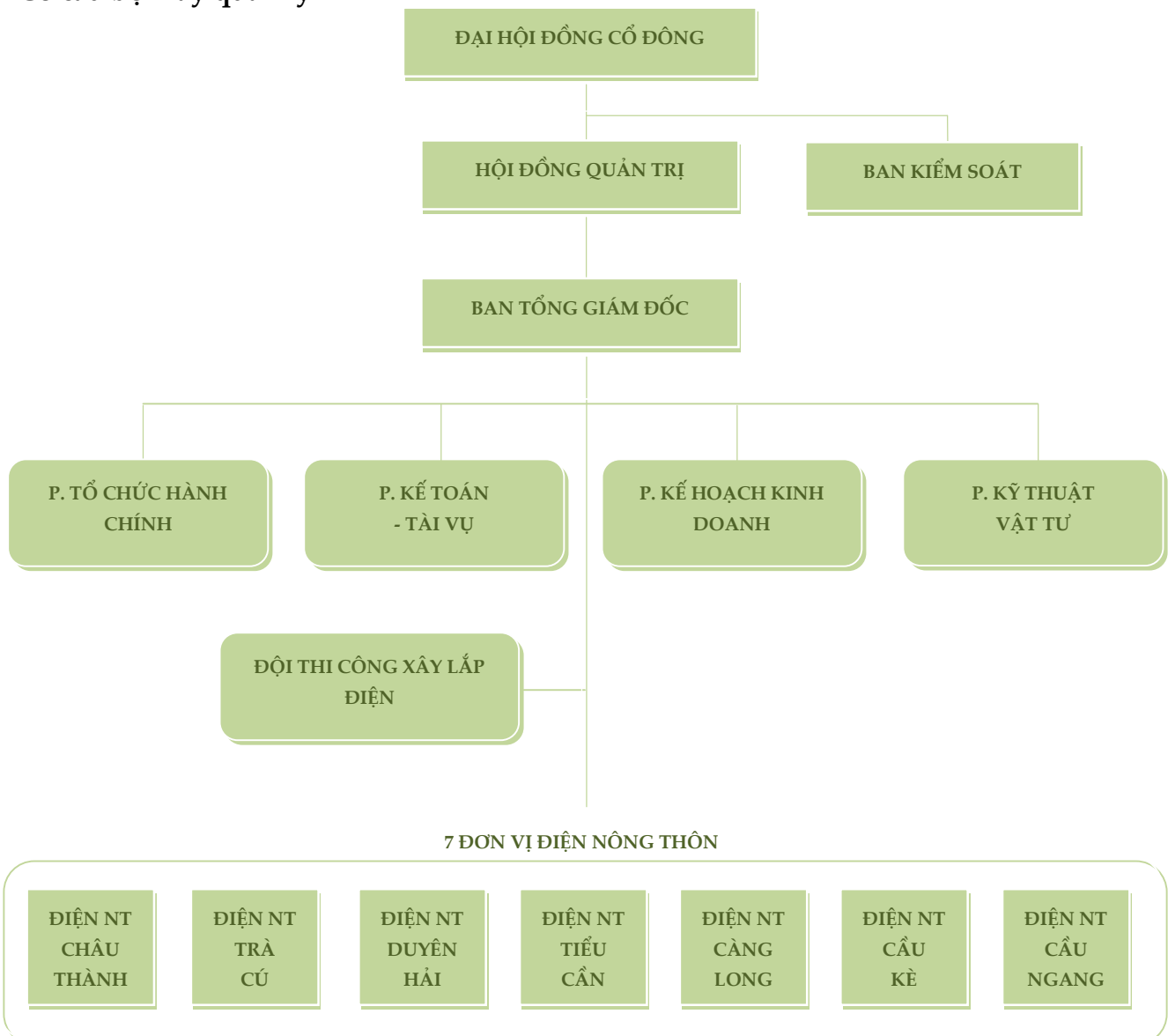
Công ty hoạt động và kinh doanh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

4. Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông.

Cơ cấu bộ máy quản lý





5. Định hướng phát triển

“Công ty luôn phấn đấu đạt đến sự hài lòng của khách hàng, trở thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh điện”.

6. Các rủi ro

Rủi ro pháp luật

Là công ty đại chúng nên hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các Nghị định và các Quy định về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó là các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty như: Luật Quản lý Thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp,...

Rủi ro từ việc điều chỉnh giá bán điện

Đặc thù của ngành kinh doanh điện là giá mua và bán điện phụ thuộc vào sự điều chỉnh giá của Nhà nước (điều chỉnh rất khó khăn và chậm chạp do giá điện ảnh hưởng đến cuộc sống của hàng triệu hộ gia đình). Biến động về giá bán điện sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty điện. Trong khi đó, giá thành sản xuất điện không ngừng tăng lên do chi phí đầu vào tăng và sẽ tăng với tốc độ cao hơn nhiều lần mức độ tăng giá bán điện.

Rủi ro khác

Những nhân tố rủi ro bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh ..., nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2012 ổn định, sản lượng và doanh thu tăng hơn so với kế hoạch và so với năm 2011. Trong đó doanh thu đạt 111,91% so với kế hoạch, tăng 21,22% so với năm 2011 tương đương với số tiền 29 tỷ đồng. Sản lượng điện đạt 102% so với kế hoạch, tăng 16% so với năm 2011 tương đương 13 triệu KWh. Lợi nhuận đạt 104,40% so với kế hoạch được giao, tăng 5,78% so với năm 2011 tương đương với số tiền là 0,8 tỷ đồng.

Nguồn điện cung ứng phục vụ khách hàng được đảm bảo thường xuyên liên tục so với năm 2011, các sự cố về điện có tính chất nghiêm trọng không xảy ra; chỉ có một số trường hợp nhỏ, lẻ các TBA biến động thông số kỹ thuật do quá tải cục bộ theo từng thời điểm đã được khắc phục, trong đó có ghi nhận 02 trường hợp cháy MBA ở địa bàn điện nông thôn Duyên Hải quản lý.

Cán bộ, nhân viên an tâm công tác, chấp hành thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, ghi thu tiền điện đạt yêu cầu, tổ chức trực cơ quan, trực vận hành lưới điện để xử lý kịp thời các sự cố về điện đảm bảo vận hành lưới điện cũng như phục vụ theo yêu cầu của khách hàng.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Năm 2012			Năm 2011	
	Thực hiện	Kế hoạch	% tăng/giảm	Thực hiện	% tăng/giảm
Doanh thu thuần	167.869	150.000	11,91%	138.595	21,22%
Lợi nhuận trước thuế	14.617	14.000	4,40%	13.818	5,78%
Số hộ sử dụng điện phát triển mới	3.890	4.500	86,44%	4.460	87,22%
Số điện kế đã thay	22.937	23.771	96,49%	22.817	100,53%
Công tác quản lý vận hành: Phát quang cây xanh	1.519,5	1.299,6	116,92%	1.560	97,40%

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành

	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Bà Lê Thị Khê	Tổng Giám đốc	01/01/2012
2	Ông Lý Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2012
3	Bà Trương Thị Thùy Linh	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2012
4	Bà Lê Thị Ngọc Hằng	Kế toán trưởng	05/03/2009

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012

Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có.

Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, số lượng cán bộ, nhân viên của Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh là 170 người, trong đó 24 hợp đồng nh.

3. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Đơn vị: Triệu đồng		
	Năm 2012	Năm 2011	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	78.861	77.875	1,27%
Doanh thu thuần	167.769	138.595	21,22%
Lợi nhuận từ HĐKD	14.480	13.815	4,82%
Lợi nhuận khác	137	4	630,95%
Lợi nhuận trước thuế	14.617	13.818	5,78%
Lợi nhuận sau thuế	11.799	11.892	-0,79%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	15%	0%

Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	11,45	14,79
Hệ số thanh toán nhanh	lần	9,78	12,77
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,06	0,05
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,07	0,05
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	ngày	16,22	17,97
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	1,83	2,14
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	8,58	7,03
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	%	16,27	15,67
Hệ số LNST/Tổng tài sản	%	15,27	14,96
Hệ số LNHĐKD/Doanh thu thuần	%	9,97	8,63

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

Cổ phần	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tổng số cổ phần đang lưu hành	5.264.000	100
Cổ phần phổ thông	5.264.000	100
Cổ phần chuyển nhượng tự do	5.264.000	100
Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0	0

Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Cổ đông tổ chức	4.560.230	86,37
Cổ đông cá nhân	703.770	13,33
Công ty (cổ phiếu quỹ)	16.000	0,30
Cộng	5.280.000	100
Cổ đông trong nước	5.280.000	100
Cổ đông nước ngoài	-	-
Cổ đông Nhà nước	3.484.972	66,00
Cổ đông khác	1.795.028	34,00

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2012, vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Đến ngày 31/12/2012, số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là 16.000 cổ phần.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Phân tích tổng quan

Thuận lợi

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh, Tổng Công ty đầu tư kinh doanh vốn nhà nước, các Sở, Ban ngành các cấp chính quyền địa phương hỗ trợ tạo điều kiện để đơn vị đầu tư phát triển mở rộng lưới điện;
- Sự nỗ lực quyết tâm của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và của đội ngũ cán bộ công nhân viên toàn Công ty;
- Các huyện đều có đơn vị đóng trên địa bàn để phát triển khách hàng, quản lý và sửa chữa điện phục vụ cho khách hàng kịp thời;
- Đại đa số người lao động là cố đồng nên luôn tin tưởng vào chiến lược kinh doanh và thống nhất với quan điểm lãnh chỉ đạo của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc. Từ đó luôn nâng cao năng lực công tác, thực hiện tốt vai trò trách nhiệm, đoàn kết nhất trí với lãnh đạo đơn vị, ra sức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Khó khăn

- Thực hiện lộ trình giá điện của Chính phủ, các Thông tư hướng dẫn của Bộ Công thương về thay đổi giá bán điện nhìn chung đều được ban hành vào thời điểm nhạy cảm, bất ngờ; mặc dù đơn vị đã có bước chuẩn bị nhưng vẫn gặp phải những khó khăn nhất định;
- Lưới điện hàng năm đều xuống cấp, nhất là vùng nước mặn phải thực hiện sửa chữa thường xuyên; Nguồn điện cung cấp không ổn định, thường xuyên cúp điện vào cao điểm mùa khô và cúp điện luân phiên kéo dài làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh;
- Việc mở rộng nâng cấp các tuyến giao thông tỉnh lộ, quốc lộ,... Công ty phải sửa chữa di dời đường dây, nâng trụ, nâng dây đảm bảo độ cao theo quy định của ngành điện rất khó khăn, chi phí cải tạo, sửa chữa lớn, đặc biệt là thực hiện dự án 20.000 hộ kéo điện cho đồng bào khmer nghèo của Tỉnh. vốn đầu tư lớn nhưng hiệu quả kinh tế mang lại không cao. Ngoài ra Điện lực còn đầu tư kéo điện trùng với lưới điện của đơn vị đang quản lý hơn 500 khách hàng cũng làm ảnh hưởng đến tình hình phát triển lưới điện;
- Địa bàn quản lý kinh doanh vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, sản lượng tiêu thụ điện thấp, giao thông đi lại khó khăn làm ảnh hưởng đến công tác ghi ghi thu tiền điện và quản lý lưới điện;
- Việc cải tạo nâng cấp còn gặp khó khăn, nhiều TBA quá tải do Điện lực Trà Vinh nâng cấp không kịp thời nên không phát triển được khách hàng mới làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.



Những tiến bộ Công ty đã đạt được trong năm 2012

- Tập trung kiểm tra các trạm biến áp có tỷ lệ hao hụt cao, kiểm tra hộ sử dụng điện và cập nhật danh sách điện kế quá hạn để thay điện kế định kỳ và xử lý hoặc những hạn chế, thiếu sót trong quản lý để khắc phục sửa chữa.
- Kết hợp với Điện lực Trà Vinh và các huyện giải quyết các công việc có liên quan, kiểm tra, phúc tra danh sách khách hàng ở các TBA, xử lý kịp thời những vướng mắc giữa hai bên về giá bán điện cũng như hoàn thành được phần mềm chạy hóa đơn mới theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc. Kết quả, tổng doanh thu Công ty năm 2012 đạt 167,9 tỷ đồng, vượt kế hoạch 11,91% và tăng 21,22% so với năm 2011.
- Khảo sát và lập hồ sơ 147 công trình lớn nhỏ, trong đó: Cải tạo 74 công trình ĐDHA, tương đương 45,3 km với tổng số vốn đầu tư 4.469 triệu đồng; Xây dựng mới 51 công trình ĐDHA, tương đương 22,7 km với tổng số vốn đầu tư gần 4.234 triệu đồng; Thi công lắp tụ bù 22 TBA với tổng số vốn đầu tư gần 64 triệu đồng. Kết quả, nghiệm thu và đưa vào sử dụng 147 công trình.

2. Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

CHỈ TIÊU		<i>Đơn vị: Triệu đồng</i>	
		31/12/2012	31/12/2011
I	Tài sản ngắn hạn	52.830	50.612
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	9.788	13.283
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	28.301	25.514
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	7.542	3.975
4	Hàng tồn kho	7.193	7.373
5	Tài sản ngắn hạn khác	7	468
II	Tài sản dài hạn	26.031	27.263
1	Tài sản cố định	24.530	27.263
2	Tài sản dài hạn khác	1.501	-
	Tổng tài sản	78.861	77.875

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 so với thời điểm 31/12/2011 không có biến động lớn, cơ cấu tài sản biến động nhẹ và có xu hướng tăng ở phần tài sản ngắn hạn, mà chủ yếu tăng ở khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn do tăng lượng tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng trên địa bàn tỉnh.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Tình hình nợ phải trả

		Đơn vị: Triệu đồng	
	CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
I	Nợ ngắn hạn	3.573	4.421
1	Phải trả người bán	18	166
2	Người mua trả tiền trước	9	0
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	239	2.217
4	Phải trả người lao động	2.252	1.737
5	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	295	61
6	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	459	239
II	Nợ dài hạn	-	368
1	Phải trả dài hạn khác	-	168
2	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	200
	Nợ phải trả	3.573	4.788

Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2012 so với thời điểm 31/12/2011 giảm nhẹ, trong đó: phải trả người bán giảm từ 166 triệu đồng xuống còn 18 triệu đồng; thuế và các khoản phải nộp Nhà nước giảm đáng kể từ 2.217 triệu đồng xuống còn 239 triệu đồng; nợ dài hạn được thanh toán hết.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

- Thay đổi các chức danh lãnh đạo Công ty và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc cho phù hợp với tình hình phát triển của đơn vị;
- Tính lương tháng/quí/năm, các chế độ khác cho người lao động đúng quy định. Đăng ký mã số thuế thu nhập cá nhân và giảm trừ gia cảnh bổ sung cho các nhân viên có yêu cầu;
- Nâng lương cho cán bộ, công nhân viên đến hạn 52 người;
- Tổ chức 2 lượt cho cán bộ, nhân viên đi tham quan du lịch Phú Quốc - Đà Lạt;
- Tổ chức đưa cán bộ, công nhân viên người lao động đi khám sức khỏe định kỳ 150 người và đo môi trường lao động theo quy định;



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Hoàn chỉnh hồ sơ khen thưởng năm 2011 gửi Ban thi đua khen thưởng và đã được UBND Tỉnh Trà Vinh tặng bằng khen cho 03 tập thể và 03 cá nhân; Bằng khen Thủ tướng Chính phủ cho 02 tập thể và 01 cá nhân; 01 cá nhân được tặng Huân chương lao động hạng 3.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Sản lượng điện tiêu thụ năm 2013:	130 triệu Kwh
Tổng doanh thu năm 2013:	190 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế năm 2013:	15 tỷ đồng.
Sản lượng điện mua vào:	143.709.852 kWh
Sản lượng điện bán ra:	136.305.526 kWh
Tỷ lệ hao hụt:	5,15%
Số hộ phát triển mới:	3.750 hộ
Doanh thu khách hàng mới:	7,88 tỷ đồng
Thay điện kế định kỳ:	7.427 khách hàng
Khảo sát lập hồ sơ, thi công cải tạo:	60,6 km
Tổng vốn đầu tư:	5,50 tỷ đồng
Khảo sát lập HS, thi công xây dựng mới:	25,5 km
Tổng vốn đầu tư:	4,53 tỷ đồng
Phát quang cây xanh:	1.393,9 km

Các công tác khác:

- Tổ chức Hội nghị người lao động năm 2013, Tổng kết nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2012 và xây dựng chương trình chỉ tiêu kế hoạch năm 2013;

- Đại hội cổ đông năm 2012;

- Xét nâng lương năm 2013 cho cán bộ, nhân viên đến hạn;

- Trích nộp các loại bảo hiểm cho người lao động;

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể cán bộ, nhân viên năm 2013 theo quy định;

- Tổ chức đo môi trường lao động cho các phòng và huyện;

- Xét thi đua khen thưởng cuối năm.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Về công tác kinh doanh

Năm 2012, Công ty đã hoàn thành và vượt chỉ tiêu các kế hoạch đã đề ra. Cụ thể:

Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	Đơn vị: Triệu đồng % tăng giảm
Sản lượng điện tiêu thụ	115 triệu Kwh	113 triệu Kwh	1,77%
Tổng doanh thu	167.869	150.000	11,91%
Lợi nhuận trước thuế	14.617	14.000	4,40%
Nộp ngân sách Nhà nước		8,1 tỷ đồng	

Về công tác tài chính

- Công ty đã thực hiện quyết toán tài chính năm 2012 và chia cổ tức năm 2011 cho cổ đông, trích lập các quỹ theo quy định. Tỷ lệ chia cổ tức năm 2011 là 15%;

- Làm việc với Đoàn kiểm toán Nhà nước Khu vực IX đến kiểm toán tài chính năm 2011 và được kết luận đơn vị báo cáo phản ánh trung thực, hợp lý với tình hình tài chính của Công ty.

Về công tác hành chính

- Ban hành 135 quyết định các loại do Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo;

- Bổ nhiệm 01 Giám đốc phụ trách đơn vị Điện nông thôn huyện Duyên Hải và 01 Kiêm nhiệm Đội trưởng Đội thi công - Xây lắp điện;

- Thay đổi các chức danh lãnh đạo Công ty và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc cho phù hợp với tình hình phát triển của đơn vị;

- Tổ chức Đại hội cổ đông năm 2011 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2012.



2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có sự quan tâm chỉ đạo sát sao ngay từ đầu năm, thực hiện tốt nhiệm vụ và phát huy những kết quả đạt được của năm 2011; đồng thời đã khắc phục những thiếu sót còn tồn tại để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2012 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Phát huy những thành tích đạt được, khắc phục những thiếu sót tồn tại, nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn và các chỉ tiêu do Đại hội cổ đông đề ra, Công ty cần tập trung thực hiện các biện pháp như sau:

- Tăng cường công tác quản lý vận hành lưới điện, cải tạo sửa chữa kịp thời lưới điện cũ xuống cấp không đảm bảo an toàn, nâng cao các vị trí vượt quốc lộ 53, 54, 60 và các tỉnh lộ... không đủ độ cao, kiểm tra các TBA có tỷ lệ tổn thất cao, thường xuyên phát quang cây xanh trong mùa mưa tránh ngã đổ, chạm chập, gây sự cố mất điện, tai nạn;

- Kiểm tra điện kế khách hàng để bám chỉ và phát hiện hành vi vi phạm sử dụng điện, ký lại hợp đồng sử dụng điện theo quy định, áp giá bán điện đúng mục đích sử dụng và cấp định mức phù hợp;

- Thực hiện tốt công tác thay điện kế định kỳ theo kế hoạch;

- Phân công trực lãnh đạo, trực quản lý vận hành, trực đêm ... để kịp thời xử lý khi có sự cố xảy ra và bảo vệ an toàn cơ quan.



Chỉ tiêu kế hoạch cụ thể

- Sản lượng điện tiêu thụ năm 2013: 130 triệu Kwh
- Tổng doanh thu năm 2013: 190 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế năm 2013: 15 tỷ đồng.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu

Thành viên	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Ông Trương Văn Định	35.000	0,66	Chủ tịch
Bà Lê Thị Khê	1.756.386	33,26	Phó Chủ tịch
Bà Lê Thị Ngọc Hằng	4.300	0,08	Thành viên
Ông Lê Tấn Phong	1.600	0,03	Thành viên
Ông Vũ Hiền	1.075.258	20,36	Thành viên

Ông Vũ Hiền là thành viên không điều hành.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thường xuyên yêu cầu Tổng Giám Đốc báo cáo tình hình Công ty hàng tháng như: tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng vốn, sắp xếp tổ chức nhân sự, đầu tư trang thiết bị ...

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã tổ chức 6 cuộc họp, cụ thể:

Ngày	Nội dung	Kết quả
29/3/2012	- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 - Chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012; Sắp xếp lại nhân sự Đội thi công	Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐQT
15/6/2012	Lập dự án cung cấp điện cho hộ dân nghèo thuộc nguồn vốn kết dư chương trình tín dụng Jica Nhật Bản	Nghị quyết 02/2012/NQ-HĐQT
29/6/2012	Sơ kết tình hình 6 tháng đầu năm và kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối năm 2012	Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐQT
05/9/2012	Về việc nhận bàn giao các đường dây hạ thế và khách hàng sử dụng điện của 6 Khu tái định cư tại Huyện Duyên Hải	Nghị quyết 04/2012/NQ-HĐQT
19/11/2012	- Báo cáo kết quả hoạt động quý 3 và kế hoạch	Nghị quyết

Ngày	Nội dung	Kết quả
	sản xuất kinh doanh quý 4/2012 - Lấy ý kiến các thành viên về việc nhận chuyển nhượng Đường dây hạ thế và khách hàng sử dụng điện của Hợp tác xã phát triển nông thôn Cầu Ngang (HTX)	05/2012/NQ-HĐQT
05/12/2012	Thông báo kết quả làm việc với HTX về việc nhận chuyển nhượng Đường dây hạ thế và khách hàng sử dụng điện của HTX.	Nghị quyết 06/2012/NQ-HĐQT

2. Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu

Thành viên	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Hồ Thị Á	1.742.486	33,00	Trưởng ban
Huỳnh Thanh Đào	4.300	0,08	Thành viên
Nguyễn Đình Phong	0	0	Thành viên

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm Ban Kiểm soát đã tổ chức ... cuộc họp và ...

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác

		Đơn vị: Triệu đồng	
	CHỈ TIÊU	Năm 2011	Năm 2012
1	Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	276	293
2	Thưởng Ban Tổng Giám đốc	200	200 - 300

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012 của Công ty, thưởng cho Ban Tổng Giám đốc năm 2012 bằng với năm 2011 nhưng không vượt quá 300 triệu đồng.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

- Tên cổ đông nội bộ: Ông Vũ Hiền
- Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
- Tổ chức có liên quan thực hiện giao dịch cổ phiếu: Công ty CP Tập đoàn Đầu tư IPA
- Số GĐKKD: 0103021608

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Địa chỉ: 59 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Chức vụ tại tổ chức có liên quan: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đầu tư IPA
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ trước khi giao dịch: 775.258 cổ phần (tỷ lệ 14,68%)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: 300.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch: 1.075.258 (tỷ lệ 20,36%)
- Thời gian thực hiện: 29/06/2012.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

- Công ty thực hiện quản trị công ty theo quy định của pháp luật;
- Công ty lập và nộp Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm và Báo cáo tình hình quản trị công ty hàng năm theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 15/04/2012 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN NÔNG THÔN TRÀ VINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập ngày 08 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

Việc lập và trình bày số liệu trên Báo cáo tài chính thuộc về Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là trình bày ý kiến của mình về Báo cáo tài chính dựa trên công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và tiến hành công việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2013.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)

Ths. Nguyễn Thanh Hồng - Phó Tổng Giám đốc

(Đã ký)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng Cân đối kế toán

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2012)

Đơn vị: Triệu đồng

TÀI SẢN		Mã số	31/12/2012	31/12/2011
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	52.830	50.612
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9.788	13.283
1	Tiền	111	9.788	13.283
2	Các khoản tương đương tiền	112	-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	28.301	25.514
1	Đầu tư ngắn hạn	121	28.301	25.514
2	Dự phòng giảm giá CK ĐTNH	129	-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7.542	3.975
1	Phải thu của khách hàng	131	4.051	3.287
2	Trả trước cho người bán	132	621	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	138	2.871	689
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	-	-
IV	Hàng tồn kho	140	7.193	7.373
1	Hàng tồn kho	141	7.193	7.373
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142	-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	7	468
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	-
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	-	-
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	7	468

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng Cân đối kế toán

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2012)

Đơn vị: Triệu đồng

	TÀI SẢN	Mã số	31/12/2012	31/12/2011
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	26.031	27.263
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
II	Tài sản cố định	220	24.530	27.263
1	Tài sản cố định hữu hình	221	23.800	26.536
-	<i>Nguyên giá</i>	222	49.790	48.604
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(25.990)	(22.068)
2	Tài sản cố định cho thuê tài chính	224	-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	612	616
-	<i>Nguyên giá</i>	228	701	691
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229	(88)	(75)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	117	111
III	Bất động sản đầu tư	240	-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
V	Tài sản dài hạn khác	260	1.501	-
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	1.501	-
2	Tài sản dài hạn khác	268	-	-
	TỔNG TÀI SẢN	270	78.861	77.875

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng Cân đối kế toán

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2012)

Đơn vị: Triệu đồng

	NGUỒN VỐN	Mã số	31/12/2012	31/12/2011
A	NỢ PHẢI TRẢ	300	3.573	4.788
I	Nợ ngắn hạn	310	3.573	4.421
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	-	-
2	Phải trả người bán	312	18	166
3	Người mua trả tiền trước	313	9	0
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	539	2.217
5	Phải trả người lao động	315	2.252	1.737
6	Chi phí phải trả	316	-	-
7	Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	295	61
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	459	239
II	Nợ dài hạn	330	-	368
1	Phải trả dài hạn khác	333	-	168
2	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	200
3	Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	75.288	73.087
I	Vốn chủ sở hữu	410	75.288	73.087
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	52.800	52.800
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4	Cổ phiếu quỹ	414	(160)	(160)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng Cân đối kế toán

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2012)

Đơn vị: Triệu đồng

	NGUỒN VỐN	Mã số	31/12/2012	31/12/2011
5	Quỹ đầu tư phát triển	417	8.385	6.685
6	Quỹ dự phòng tài chính	418	2.465	1.870
7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	11.799	11.892
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
	TỔNG NGUỒN VỐN	440	78.861	77.875

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2011
1	Tài sản thuê ngoài	-	-
2	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	-	-
4	Nợ khó đòi đã xử lý	2	2
5	Ngoại tệ các loại (USD)	-	-
6	Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

	CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2012	31/12/2011
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	167.869	138.595
2	Các khoản giảm trừ	03	-	-
3	Doanh thu thuần	10	167.869	138.595
4	Giá vốn hàng bán	11	130.866	106.962
5	Lợi nhuận gộp	20	37.003	31.633
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.098	4.373
7	Chi phí tài chính	22	-	-
-	<i>Trong đó chi phí lãi vay</i>	23	-	-
8	Chi phí bán hàng	24	21.665	18.009
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4.956	4.183
10	Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh	30	14.480	13.815
11	Thu nhập khác	31	207	5
12	Chi phí khác	32	71	1
13	Lợi nhuận khác	40	137	4
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	14.617	13.818
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.818	1.926
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	11.799	11.892
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.241	2.259

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ***(theo phương pháp trực tiếp)**Đơn vị: Triệu đồng*

	CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2012	31/12/2011
I	Lưu chuyển tiền từ HĐ kinh doanh			
1	Thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01	182.393	150.480
2	Trả cho người cung cấp hàng hóa, DV	02	(152.828)	(121.636)
3	Trả cho người lao động	03	(15.069)	(11.969)
4	Chi trả lãi vay	04	-	-
5	Chi nộp thuế TNDN	05	(4.714)	(811)
6	Thu khác từ HĐ kinh doanh	06	3.863	158.445
7	Chi khác cho HĐ kinh doanh	07	(7.058)	(160.993)
	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh	20	6.586	13.515
II	Lưu chuyển tiền từ HĐ đầu tư			
1	Mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(304)	(3.495)
2	Thanh lý, NB TSCĐ và các TSDH khác	22	14	32
3	Chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(129.264)	(175.250)
4	Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	126.477	176.063
5	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.300	3.901
	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư	30	223	1.251
III	Lưu chuyển tiền từ HĐ tài chính			
1	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho CSH	36	(10.304)	(7.896)
	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính	40	(10.304)	(7.896)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.495)	6.870
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.283	6.413
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	9.788	13.283

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu

Là loại hình Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thiết kế, xây dựng, thương mại về lĩnh vực điện.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đầu tư xây dựng, phát triển các công trình điện;
- Kinh doanh mua bán điện, vật tư chuyên ngành điện;
- Thiết kế các công trình đường dây hạ thế, dây nhánh khách hàng và điện dân dụng;
- Thi công các công trình đường dây điện trung thế, lắp đặt biến thế, đường dây điện hạ thế và dây nhánh khách hàng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo Chuẩn mực kế toán số 10 - “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002.

Tỷ giá hạch toán ngày 31 tháng 12 năm 2012 là: 20.828 VNĐ/USD.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư, hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Cam kết kế toán

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong hệ thống kế toán và báo cáo kế toán do Nhà nước Việt Nam quy định.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Chúng tôi ghi sổ.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: theo nguyên tắc giá gốc;

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền (theo tháng);

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: vào thời điểm khóa sổ Công ty tổ chức đánh giá lại hàng tồn kho và trích lập trên cơ sở chênh lệch lớn hơn của giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Công ty lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/(lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 04 - 23 năm
- Máy móc, thiết bị: 04 - 05 năm
- Phương tiện vận tải: 03 - 04 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý: 03 - 05 năm
- Hệ thống đường dây điện: 05 - 25 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: chủ yếu là những chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng, nhà xưởng, được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp phân bổ: Theo phương pháp đường thẳng và thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.

7. Cơ sở tính và trích quỹ tiền lương

Công ty trích quỹ tiền lương theo đơn giá là 79 đồng/1.000 đồng doanh thu. Đơn giá tiền lương đã được Sở LĐTBXH Trà Vinh phê duyệt, thông báo về việc chấp thuận đăng ký mức lao động và đơn giá tiền lương số 643/SLĐTBXH-LĐVL ngày 07 tháng 06 năm 2012.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận là giá trị được ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại, tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Phương pháp ghi nhận: Khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả lập năm nay so với dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: là số vốn thực góp của chủ sở hữu;
- Thặng dư vốn cổ phần: là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty hàng năm.

11. Doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phân công việc đã hoàn thành;
- Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không có bù trừ.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất mua bán điện: 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% (hai mươi lăm phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.
- Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 02 (hai) năm kể từ khi kinh doanh có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 (ba) năm tiếp theo; Công ty chọn năm miễn thuế đầu tiên là năm tài chính 2007;
- Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2012 theo Thông tư 140/2012/TT-BTC - Hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân - ban hành ngày 21 tháng 08 năm 2012 của Bộ Tài chính do Công ty đáp ứng chỉ tiêu về vốn từ 20 tỷ đến 100 tỷ đồng và lao động từ trên 200 người đến 300 người theo quy định tại Khoản 1 Điều 3, Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

15. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

		<i>Đơn vị: Triệu đồng</i>	
	CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
1	Tiền mặt	30	85
2	Tiền gửi ngân hàng	993	5.267
3	Tiền đang chuyển	8.764	7.930
	Cộng	9.788	13.283

Tiền gửi ngân hàng

		<i>Đơn vị: Triệu đồng</i>	
	CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Trà Vinh	583	258
2	Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - CN Trà Vinh	327	4.931
3	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Trà Vinh	60	50
4	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Trà Vinh	12	11
5	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Trà Vinh	5	5
6	Ngân hàng TMCP Đại Tín - CN Trà Vinh	5	9
7	Ngân hàng TMCP Phương Nam - CN Trà Vinh	2	1
8	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Trà Vinh	0	1
	Cộng	993	5.267

Tiền đang chuyển

Là tiền điện thu của ĐNT các huyện chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng.

2. Đầu tư ngắn hạn

Chủ yếu là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

		<i>Đơn vị: Triệu đồng</i>	
	CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Trà Vinh	10.300	1.000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

		<i>Đơn vị: Triệu đồng</i>	
	CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
2	Ngân hàng TMCP Phương Nam - CN Trà Vinh	8.688	5.733
3	Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - CN Trà Vinh	5.090	9.500
4	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Trà Vinh	2.000	3.000
5	Ngân hàng TMCP Đại Tín - CN Trà Vinh	1.080	5.146
6	Ngân hàng TMCP Kiên Long - CN Trà Vinh	65	58
7	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam *	1.077	1.077
	Cộng	28.301	25.514

(*) Là khoản đầu tư 64.718 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

3. Phải thu của khách hàng

		<i>Đơn vị: Triệu đồng</i>	
	CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
1	Tiền điện của ĐNT huyện Châu Thành	1.277	1.151
2	Tiền điện của ĐNT huyện Tiểu Cần	259	380
3	Tiền điện của ĐNT huyện Cầu Kè	596	482
4	Tiền điện của ĐNT huyện Càng Long	555	397
5	Tiền điện của ĐNT huyện Trà Cú	425	339
6	Tiền điện của ĐNT huyện Duyên Hải	627	353
7	Tiền điện của ĐNT huyện Cầu Ngang	307	180
8	Các khách hàng khác	4	4
	Cộng	4.051	3.287

4. Trả trước cho người bán

		<i>Đơn vị: Triệu đồng</i>	
	CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
1	HTX Phát triển điện nông thôn Cầu Ngang	500	-
2	Công ty TNHH MTV Tư vấn Điện Miền Nam	121	-
	Cộng	621	-

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

		<i>Đơn vị: Triệu đồng</i>	
	CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
1	Tạm chia cổ tức	2.504	4
2	Lãi tiền gửi kỳ hạn	241	-
3	Trung tâm đo lường Trà Vinh *	81	132
4	Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN Trà Vinh	40	-
5	Các khoản phải thu khác	5	553
	Cộng	2.871	689

(*) Điện kể gửi đi kiểm định.

6. Hàng tồn kho

		<i>Đơn vị: Triệu đồng</i>	
	CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
1	Nguyên liệu, vật liệu	7.188	7.305
2	Công cụ, dụng cụ	3	3
3	Chi phí sản xuất dở dang	2	65
4	Thành phẩm	-	-
	Giá trị thuần có thể thực hiện của HTK	7.193	7.373

Nguyên liệu, vật liệu

		<i>Đơn vị: Triệu đồng</i>	
	CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
1	Kho văn phòng công ty	5.791	5.226
2	Kho trạm huyện Châu Thành	184	553
3	Kho trạm huyện Tiểu Cần	142	473
4	Kho trạm huyện Cầu Kè	242	354
5	Kho vật tư đội thi công	55	247
6	Kho trạm huyện Duyên Hải	258	168
7	Kho trạm huyện Trà Cú	225	122
8	Kho trạm huyện Càng Long	182	87
9	Kho trạm huyện Cầu Ngang	109	74
	Cộng	7.188	7.305

Công cụ dụng cụ: Là công cụ, dụng cụ chưa sử dụng.

Chi phí sản xuất dở dang: Là chi phí làm trụ điện chưa hoàn thành.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

7. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng của nhân viên.

8. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, DC QL	Cộng	
1	Nguyên giá					
	Số đầu năm	2.925	106	45.184	389	48.604
	Tăng	-	-	988	198	1.186
	Giảm	-	-	-	-	-
	Số cuối năm	2.925	106	46.172	587	49.790
2	Giá trị hao mòn					
	Số đầu năm	854	106	20.748	360	22.068
	Tăng	161	-	3.736	25	3.922
	Giảm	-	-	-	-	-
	Số cuối năm	1.015	106	24.484	384	25.990
3	Giá trị còn lại					
	01/01/2012	2.071	-	24.436	30	26.536
	31/12/2012	1.910	-	21.688	203	23.800

Trong đó nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với số tiền: 2.497.228.304 đồng.

9. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng	
1	Nguyên giá			
	Số đầu năm	651	40	691
	Tăng	-	24	24
	Giảm	14	-	14
	Số cuối năm	637	64	701

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
2	Giá trị hao mòn		
	Số đầu năm	35	40
	Tăng	13	1
	Giảm	-	-
	Số cuối năm	48	41
3	Giá trị còn lại		
	01/01/2012	616	-
	31/12/2012	589	23

Trong đó nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 40.000.000 đồng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chủ yếu là các công trình thi công hệ thống mạng lưới điện và đường dây hạ thế.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chủ yếu là chi phí kiểm định điện kế và cải tạo nâng cấp đường dây hạ thế, nhánh rẽ thời gian phân bổ ước tính 3 - 5 năm.

12. Phải trả người bán

Là khoản phải trả cho Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

CHỈ TIÊU	Đơn vị: Triệu đồng	
	31/12/2012	31/12/2011
1	Thuế giá trị gia tăng	183
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	112
3	Thuế thu nhập cá nhân	245
	Cộng	539

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

CHỈ TIÊU	Đơn vị: Triệu đồng	
	31/12/2012	31/12/2011
1	Kinh phí công đoàn	35
2	Bảo hiểm xã hội	33

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

		<i>Đơn vị: Triệu đồng</i>	
	CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
3	Các khoản phải trả, phải nộp khác	226	33
	Cộng	295	61

13. Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

						<i>Đơn vị: Triệu đồng</i>	
CHỈ TIÊU	Vốn đầu tư của CSH	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng	
01/01/2011	52.800	(160)	5.465	1.319	11.021	70.445	
Tăng	-	-	1.220	551	11.892	13.663	
Giảm	-	-	-	-	11.021	11.021	
31/12/2011	52.800	(160)	6.685	1.870	11.892	73.087	
Tăng	-	-	1.700	595	11.799	14.093	
Giảm	-	-	-	-	11.892	11.892	
31/12/2012	52.800	(160)	8.385	2.465	11.799	75.288	

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

			<i>Đơn vị: Triệu đồng</i>	
	CHỈ TIÊU	Tỷ lệ	31/12/2012	31/12/2011
1	Cổ đông Nhà nước	66%	34.850	34.850
2	Cổ đông khác	34%	17.950	17.950
	Cộng		52.800	52.800

Cổ phiếu

		31/12/2012	31/12/2011
	CHỈ TIÊU		
1	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.280.000	5.280.000
	Cổ phiếu phổ thông	5.280.000	5.280.000
	Cổ phiếu ưu đãi		-
2	Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.264.000	5.280.000
	Cổ phiếu phổ thông	5.264.000	5.280.000
	Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CHỈ TIÊU		31/12/2012	31/12/2011
3	Số lượng cổ phiếu được mua lại	16.000	16.000
	Cổ phiếu phổ thông	16.000	16.000
	Cổ phiếu ưu đãi	-	-
4	Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

Lợi nhuận chưa phân phối

CHỈ TIÊU	<i>Đơn vị: Triệu đồng</i> Số cuối năm
Số dư đầu năm (1)	11.892
Phân phối (2)	11.892
- Quỹ đầu tư phát triển	1.700
- Quỹ dự phòng tài chính	595
- Quỹ khen thưởng - phúc lợi	1.502
- Chia cổ tức	7.896
- Thưởng Ban điều hành	200
Lợi nhuận sau thuế năm 2012 (3)	11.799
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày 31/12/2012 (1) - (2) + (3)	11.799

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chủ yếu là doanh thu kinh doanh bán điện.

2. Giá vốn hàng bán

Chủ yếu là giá vốn kinh doanh bán điện.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi ngân hàng và thu lãi trả chậm.

4. Chi phí bán hàng

		<i>Đơn vị: Triệu đồng</i>	
	CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
1	Chi phí nhân viên	13.069	10.152
2	Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.445	1.644
3	Chi phí khấu hao TSCĐ	3.808	4.143
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	22	-
5	Chi phí bằng tiền khác	2.322	2.069
	Cộng	21.665	18.009

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

		<i>Đơn vị: Triệu đồng</i>	
	CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
1	Chi phí nhân viên quản lý	3.640	2.868
2	Chi phí đồ dùng văn phòng	52	37
3	Chi phí khấu hao TSCĐ	128	182
4	Thuế, phí và lệ phí	35	42
5	Chi phí dự phòng	-	96
6	Thù lao HĐQT, BKS	293	276
7	Chi phí dịch vụ mua ngoài	114	105
8	Chi phí bằng tiền khác	694	577
	Cộng	4.956	4.183

6. Thu nhập khác

Là khoản hoàn nhập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm năm 2012 theo Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính.

7. Chi phí khác

Là tiền nộp phạt vi phạm hành chính.

8. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

Đơn vị: Triệu đồng

	CHỈ TIÊU	Hoạt động ưu đãi thuế	Hoạt động không hưởng ưu đãi thuế	Cộng
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.519	4.098	14.617
2	Các khoản điều chỉnh tăng	156	-	156
	- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành công ty	88	-	88
	- Thuế GTGT điều chỉnh theo BB KTNN 2011	6	-	6
	- Thuế TNDN truy thu theo BB KTNN 2011	62	-	62
3	Các khoản điều chỉnh giảm	(135)	(204)	(339)
	Lãi tiền gửi KTNN đã ghi nhận tăng thu nhập năm 2011	-	(204)	(204)
	Chi phí 2011 KTNN đã loại ra do đây là chi phí 2012	(135)	-	(135)
4	Thu nhập chịu thuế	10.539	3.895	14.434
	Thuế TNDN hiện hành (25%)	2.635	974	3.608
	Thuế TNDN được giảm (30%)	(790)	-	(790)
5	Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp	1.844	974	2.818

*Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2011 theo Thông tư 140/2012/TT-BTC - Hướng dẫn nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân - ban hành ngày 21/08/2012 của Bộ Tài chính, do Công ty đáp ứng các tiêu chí về vốn và lao động (vốn từ trên 20 tỷ đến 100 tỷ đồng và lao động từ trên 200 người đến 300 người) theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30/06/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		<i>Đơn vị: Triệu đồng</i>	
	CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
1	Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	11.799	11.892
2	Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
3	Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.799	11.892
4	Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phần)	5.264.000	5.264.000
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phần)	2.241	2.259

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

		<i>Đơn vị: Triệu đồng</i>	
	CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	71	60
2	Chi phí nhân công	16.709	13.020
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.936	4.326
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.023	39
5	Chi phí bằng tiền khác	137.277	112.497
	Cộng	159.015	129.942

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền lương và tiền thưởng của Ban Tổng Giám đốc và các thành viên chủ chốt (*) của Công ty

CHỈ TIÊU		Đơn vị: Triệu đồng	
		31/12/2012	31/12/2011
1	Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	991	908
2	Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	293	276
Cộng		1.284	1.184

(*) Các thành viên chủ chốt là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

CHỈ TIÊU	Đơn vị: Triệu đồng		Đơn vị: Triệu đồng	
	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.788	13.283	9.788	13.283
Đầu tư tài chính	28.301	25.514	28.301	25.514
Phải thu khách hàng	4.051	3.287	4.051	3.287
Trả trước cho người bán	621	-	621	-
Các khoản phải thu khác	2.878	1.156	2.878	1.156
Cộng	45.638	43.239	45.638	43.239
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	18	166	18	166
Người mua trả tiền trước	9	0	9	0
Phải trả khác và chi phí phải trả	295	228	295	228
Cộng	323	395	323	395

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị ghi sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

3. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường;
- Rủi ro tín dụng;
- Rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ

giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán chủ yếu là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Công ty có rủi ro về giá cả nguyên vật liệu xây dựng do thực hiện các công trình xây dựng hệ thống đường dây điện. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ứng trước tiền đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản phải trả ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Vay và nợ	-	-	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	18	-	18
Người mua trả tiền trước	9	-	9
Các khoản phải trả khác	295	-	295
Cộng	323	-	323
Số đầu năm			
Vay và nợ	-	-	-
Phải trả cho người bán	166	-	166
Người mua trả tiền trước	0	-	0
Các khoản phải trả khác	61	168	228
Cộng	227	168	395

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trà Vinh, ngày 08 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu
(đã ký)

Lê Thị Ngọc Hằng

Kế toán trưởng
(đã ký)

Lê Thị Ngọc Hằng

Tổng Giám đốc
(đã ký)

Lê Thị Khê

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Báo cáo thường niên năm 2012 được lập ngày 28 tháng 03 năm 2013 theo Phụ lục số II kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố Thông tin trên thị trường chứng khoán.

Trà Vinh, ngày 28 tháng 03 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN NÔNG THÔN TRÀ VINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Trương Văn Định